TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn và chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Nguyễn Phát Triển;
Nguyễn Thanh Phương.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06/3/2023 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn và chia tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Đặng N - Sinh năm: 1992. Địa chỉ: thị trấn T, huyện Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Nguyễn T - Sinh năm: 1987. Địa chỉ: xã Ti, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự điều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn Đặng N trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Nguyễn T tìm hiểu quen nhau rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh

phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh mâu thuẩn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt nay Đặng N xin được ly hôn với Nguyễn T;

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 25/6/2015; Nguyễn N, sinh ngày 15/9/2018, Đặng N yêu cầu được nuôi con tên Nguyễn N đồng ý giao con tên Nguyễn Tấn Pt cho Nguyễn T nuôi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo như anh T trình bày thì vợ chồng có 01 cây vàng cưới 24kara là có nhưng trong thời gian chung sống và lúc sinh bé Diễm thì chị N và anh T xảy ra mâu thuẩn thì chị N đã ẩm con về mẹ ruột sống và có lấy vàng đem theo nhưng hơn năm năm nay chị N nuôi con thì cũng đã bán chi tiêu và lo cho con và trong gia đình hết rồi nên chị N không đồng ý với yêu cầu của anh T.

Về nợ chung Đặng N không yêu cầu giải quyết.

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà bị đơn Nguyễn T trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và Đặng N quen nhau rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có cũng có nhiều quan điểm bất đồng thường xuyên cự cải nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh T đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 25/6/2015; Nguyễn N, sinh ngày 15/9/2018 anh T đồng ý nuôi con tên Nguyễn Tấn P và đồng ý giao con tên Nguyễn N cho chị N nuôi và không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 cây vàng cưới 24kara hiện do chị N giữ anh T yêu cầu chia đôi số vàng này mỗi người 05 chỉ (giá vàng 56.400.000đ/cây vàng) anh T nhận giá trị, chị N trình bày như vậy không đúng hiện chị N đang giữ chứ không bán chi tiêu sài gì hết.

Về nợ chung: Nguyễn T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh T cùng thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn

cứ.

[2] Về con chung: Chị N và anh T thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 25/6/2015; Nguyễn N, sinh ngày 15/9/2018. Chị N yêu cầu nuôi con tên Nguyễn N và đồng ý giao con tên Nguyễn Tấn P cho anh T nuôi và anh T cũng đồng ý, cháu Nguyễn Tấn P cũng có nguyện vọng sống với cha. Xét sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, do đó chị N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 15/9/2018 và anh T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 25/6/2015 là có căn cứ, đúng theo quy định với Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T thống nhất vợ chồng có tài sản chung là 1 cây vàng 9999 hiện do chị N giữ anh T yêu cầu chia đôi số vàng này mỗi người phân nữa anh T yêu cầu nhận giá trị, chị N không đồng ý cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng cũng đã bán một số để lo cho sinh hoạt gia đình, khi chị N và anh T xảy ra mâu thuẩn thì lúc đó chị N mới sinh bé D không đi làm được không thu nhập gì nên đã bán số vàng để lo cho con và mọi sinh hoạt khác trong suốt năm năm qua, anh T cũng không phụ được gì nên nay chị N không đồng ý với yêu cầu của anh T, anh T làm phụ hồ công việc cũng không ổn định còn chị N thì trong lúc sinh con cũng không có thu nhập gì nên việc chị N bán vàng để lo cho mục đích sinh hoạt gia đình là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh T là có căn cứ.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Đặng N được ly hôn với Nguyễn T.

2. Về con chung: Đặng N được quyền nuôi con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 15/9/2018; Nguyễn T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 25/6/2015.

Đặng N; Nguyễn T phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn không ai được cản trở.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Đặng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Đặng N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015714, ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Đặng N đã nộp xong).

Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) mà Nguyễn T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015881, ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, Nguyễn T còn phải nộp 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm